

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày 29/4/2021

V/v tranh chấp hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Ba.
2. Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLST-DS, ngày 16/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS ngày 15/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S); trụ sở: 266 – 268 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thái Thị L, chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng S - Chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: 449 đường Q, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi (là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền

số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng S và số 19/2021/QUQ-QNI ngày 18/3/2021 của Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Quảng Ngãi); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Trần Tấn V, sinh năm 1964; bà Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trần Anh Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Cháu Trần Phương L, sinh năm 2004; người đại diện theo pháp luật của cháu L: Ông Trần Tấn V, sinh năm 1964, bà Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Thái Thị L trình bày:*

Ngân hàng S cho Ông Trần Tấn V, bà Phạm Thị Ánh T (sau đây viết tắt là ông V, bà T) vay số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay số LD1822100632 ngày 13/08/2018 để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay 12 tháng kể từ khi nhận nợ, phương thức lãi trả hàng tháng, tiền gốc trả cuối kỳ; ngày 14/08/2018 ông V, bà T đã nhận nợ số tiền nêu trên theo giấy nhận nợ số LD1822100632, ngày đáo hạn 14/8/2019.

Ngoài ra, Ngân hàng S còn cấp hạn mức tín dụng cho bà T số tiền là 20.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên là quyền sử dụng thửa đất số 301, tờ bản đồ số 22, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (đã được Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 785653, số vào sổ H 00197 ngày 13/04/2006) và tài sản gắn liền với thửa đất số 301 nêu trên, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

LD1822100632 ngày 13/8/2018 (đã được Văn phòng Công chứng Bình Sơn công chứng số 2748, quyền số 02TP/CC–SCC/HĐGD ngày 13/08/2018); việc thế chấp đã đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất vào ngày 13/08/2018 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện S; ông V, bà T cũng có cam kết toàn bộ công trình xây dựng trên đất nêu trên cũng là tài sản thế chấp.

Quá trình trả nợ vay, ông V và bà Tuyết thường xuyên vi phạm hợp đồng, không thực hiện việc trả nợ nên khoản nợ đã quá hạn từ ngày 20/12/2018.

Tính đến ngày 28/4/2021, ông V, bà Tuyết còn nợ Ngân hàng S số tiền 1.142.199.414 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 66.712.494 đồng, nợ lãi quá hạn là 247.051.536 đồng, nợ thế tín dụng là 28.435.384 đồng.

Mặc dù Ngân hàng S đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà T, ông V không thực hiện nên nay Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông V, bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay, Giấy đề nghị cấp thế tín dụng kèm hợp đồng kể từ ngày 29/4/2021 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông V, bà T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 301 nêu trên và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng S.

Sau khi xử lý tài sản nếu không đủ để trả nợ yêu cầu ông V, bà T tiếp tục trả nợ theo các hợp đồng cho vay, giấy đề nghị cấp thế tín dụng kèm hợp đồng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng S.

** Tại bản tự khai ngày 25/11/2020, bị đơn là Ông Trần Tấn V, bà Phạm Thị Ánh T trình bày:*

Ngày 13/8/2018, ông bà có vay của Ngân hàng S số tiền 800.000.000 đồng, mục đích để phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay 12 tháng, phương thức vay lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

Để đảm bảo khoản vay, ông bà đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 301, tờ bản đồ số 22, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình làm ăn, ông bà gặp khó khăn nên ông bà không trả được nợ gốc và lãi cuối kỳ.

Nay Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông bà trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng thì ông bà đồng ý trả nợ; ông bà đề nghị Ngân hàng S cho gia đình ông bà tự xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng S; trường hợp Ngân hàng S không thỏa thuận được thì ông bà đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về tranh chấp hợp đồng tín dụng; buộc ông V, bà T phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 28/4/2021 là 1.142.199.414 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 66.712.494 đồng, nợ lãi quá hạn là 247.051.536 đồng, nợ thẻ tín dụng là 28.435.384 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận; trường hợp ông V, bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 301 nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng S; ông V, bà T phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông V, bà T là bị đơn đồng thời đại diện theo pháp luật cho cháu Trần Phương L và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Anh Q vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối các tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn (Ngân hàng S) đưa ra và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông V, bà T thừa nhận ông bà có vay tiền, có thể chấp tài sản để đảm bảo khoản vay và không trả nợ đúng hạn như đại diện Ngân hàng S khởi kiện, trình bày nêu trên. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Căn cứ Hợp đồng cho vay số LD1822100632 ngày 13/8/2018, các giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, có đủ cơ sở xác định Ngân hàng S cho ông V, bà T vay số tiền là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) để sử dụng vào mục đích phát triển mục đích gia đình, thời hạn vay 12 tháng kể từ khi nhận nợ, phương thức lãi trả hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ.

Ngoài ra, Ngân hàng S còn cấp hạn mức tín dụng cho bà T số tiền 20.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

[2.3] Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1822100632 ngày 13/8/2018 thể hiện ông V, bà T và anh Quang thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 301, tờ bản đồ số 22, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (đã được Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 785653, sổ vào sổ H 00197 ngày 13/4/2006) để đảm bảo các khoản vay đã nêu, đồng thời có văn bản cam kết toàn bộ công trình xây dựng trên đất cũng là tài sản thế chấp.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã được Văn phòng Công chứng Bình Sơn công chứng và đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện S theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực.

[2.4] Ông V, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng S nên khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/12/2018.

Sau khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, ông V và bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S.

Tính đến ngày 28/4/2021, ông V, bà T còn nợ Ngân hàng S số tiền tổng cộng 1.142.199.414 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 66.712.494 đồng, nợ lãi quá hạn là 247.051.536 đồng, nợ thẻ tín dụng là 28.435.384 đồng.

[2.5] Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông V, bà T trả nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng cho vay số LD1822100632 ngày 13/08/2018 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông V, bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2021 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đến khi thanh toán xong khoản vay.

Trong trường hợp ông V, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng S; sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ thì ông V, bà T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong nợ.

[2.6] Về chi phí tố tụng: Ông V, bà T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Ngân hàng S đã tạm ứng chi phí tố tụng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên ông V, bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng S.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.7.1] Ông V, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.265.982 đồng (bốn mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[2.7.2] Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho Ngân hàng S.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Buộc Ông Trần Tấn V, bà Phạm Thị Ánh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 28/4/2021 là 1.142.199.414 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 66.712.494 đồng, nợ lãi quá hạn là 247.051.536 đồng, nợ thẻ tín dụng là 28.435.384 đồng.

2. Buộc Ông Trần Tấn V, bà Phạm Thị Ánh T có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 29/4/2021 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LD1822100632 ngày 13/08/2018, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đến khi thanh toán xong các khoản vay.

3. Trường hợp Ông Trần Tấn V, bà Phạm Thị Ánh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, bao gồm quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 22, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (đã được Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 785653, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00197 ngày 13/4/2006) theo Hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng Công chứng Bình Sơn công chứng số công chứng 2748, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/8/2018 và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất 301 nêu trên để thu hồi nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ thì Ông Trần Tấn V, bà Phạm Thị Ánh T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo hợp đồng cho vay, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

4. Buộc Ông Trần Tấn V, bà Phạm Thị Ánh T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

5. Buộc Ông Trần Tấn V, bà Phạm Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.265.982 đồng (bốn mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng).

6. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 21.973.768 đồng (hai mươi một triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000978 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lan

Bùi Tấn Ba

Nguyễn Văn Đô

